

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 7 - 2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Huỳnh Sinh.

2. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cốc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Phan Thị S - sinh năm 1994 (*Có mặt*);

Địa chỉ: Khu phố 08, phường M, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N - sinh năm 1994 (*Vắng mặt*);

Địa chỉ: Khu phố 08, phường M, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn là bà Phan Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn N tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm thì tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017; có đăng ký kết hôn tại

UBND phường M, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận ngày 26/9/2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống tại nhà của cha mẹ bà, sau đó thì thuê nhà ở riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông N thường xuyên nhậu nhẹt rồi về nhà chửi bới, hành hung bà. Vì con còn nhỏ nên bà đã bỏ qua và tha thứ cho ông N nhiều lần nhưng ông N vẫn chứng nào tật nấy. Mặc dù sống chung nhà nhưng bà và ông S không quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống. Hơn 03 tháng nay ông N tự ý bỏ đi đâu bà không biết. Nay bà không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên kiên quyết yêu cầu ly hôn ông N.

Về con chung: Bà và ông N có 01 con chung là Nguyễn Phan Khải T – sinh ngày 26/8/2018; hiện do bà nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Phan Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày tại “Biên bản lấy lời khai của đương sự” ngày 02/4/2021; trong quá trình tố tụng tại tòa án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phan Thị S tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M vào ngày 26/9/2019. Quá trình chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì gay gắt. Lý do bà S khởi kiện yêu cầu ly hôn ông là do vào đầu tháng 3 năm 2021 khi ông đi biển về mệt mỏi thì bà S có nói với ông mấy câu khó nghe nên ông bực tức đập bể chiếc điện thoại dẫn đến hai vợ chồng cãi vã và giận nhau. Hiện ông vẫn còn tình cảm với bà S, rất yêu thương vợ và con nên không đồng ý yêu cầu ly hôn của bà S. Bởi vậy ông đề nghị Tòa án tạo điều kiện về thời gian để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn.

Về con chung: Ông và bà S có 01 con chung là Nguyễn Phan Khải T – sinh ngày 26/8/2018. Nếu bà S kiên quyết ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà S không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; tuy nhiên vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa bà S và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà S là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S và giao cháu Nguyễn Phan Khải T cho bà S chăm sóc nuôi dưỡng. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phan Thị S khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn ông Nguyễn Văn N; yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn N có địa chỉ cư trú tại khu phố 8, phường M, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy báo lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông N chung sống hạnh phúc từ năm 2017 đến cuối năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng không cảm thông, chia sẻ với nhau và có hành vi ngược đãi nhau, bỏ mặc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Mặc dù ông N không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án tạo điều kiện về thời gian để hàn gắn với bà S; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải, phân tích, động viên và tạo điều kiện về thời gian để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa hôm nay ông N vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử không thể hòa giải được giữa hai bên. Điều này cho thấy ông N không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn; còn bà S thì vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn ông N. Như vậy cuộc sống hôn nhân giữa bà S, ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Thực tế này phù hợp với xác nhận của UBND phường M tại “Đơn xin xác nhận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân” ngày 08/4/2021: “... vợ chồng bà Phan Thị S, ông Nguyễn Văn N thường xảy ra mâu thuẫn do ông N thường xuyên nhậu nhẹt rồi về nhà chửi bới, hành hung bà S”. Thấy rằng, không nên duy trì một quan

hệ hôn nhân chỉ dựa vào yêu cầu đơn phương của một bên. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị S được ly hôn đối với ông Nguyễn Văn N là phù hợp.

[2.2] *Về con chung*: Bà S và ông N có 01 con chung là Nguyễn Phan Khải T – sinh ngày 26/8/2018; bà S yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Ông N có ý kiến nếu bà S kiên quyết ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng: Ông N làm nghề biển, thường phải đi làm việc trong một thời gian dài; trong khi đó bà S làm nghề buôn bán cá, chỉ phải làm buổi sáng, thu nhập bình quân mỗi tháng 15.000.000 đồng. Mặt khác cháu Nguyễn Phan Khải T tính đến thời điểm hiện nay mới chỉ hơn 02 tuổi nên cần sự chăm sóc từ người mẹ. Bởi vậy giao cho bà S là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Bà S không yêu cầu ông N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà S và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bà Phan Thị S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị S được ly hôn ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cho bà Phan Thị S là người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Phan Khải T – sinh ngày 26/8/2018.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Phan Thị S không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về án phí: Bà Phan Thị S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023375 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Phan Thị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13-7-2021). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- UBND phường M (Số 122 ngày 26/9/2019);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng